

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chế độ, chính sách đối với
viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị
sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập và chế độ bồi dưỡng biểu diễn đối với viên chức, người lao động chuyên môn làm việc theo chế độ hợp đồng của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, viên chức công an và người lao động hợp đồng trực tiếp tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

3. Căn cứ vào đặc thù chuyên môn, mức độ đào tạo và chức năng hoạt động của từng chức danh nghề nghiệp trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, đối tượng hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn được quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập*” là tổ chức sự nghiệp do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập và quản lý hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn; gồm các nhà hát, đoàn nghệ thuật, đoàn văn công có chức năng tổ chức dàn dựng, luyện tập và biểu diễn các loại hình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhu cầu của xã hội và thực hiện các nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội.

2. “*Viên chức chuyên môn nghệ thuật*” là người được tuyển dụng theo vị trí việc làm tại đơn vị sự nghiệp công lập, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn theo quy định của pháp luật

3. “*Người lao động chuyên môn trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn*” là người làm việc theo hợp đồng lao động tại các đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sáng tạo, dàn dựng, biểu diễn tác phẩm, chương trình nghệ thuật.

4. “*Chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp*” là khoản phụ cấp lương được trả thêm cho người lao động làm việc trong ngành nghề có tính chất đặc thù, điều kiện lao động cao hơn bình thường hoặc cần đặc biệt ưu tiên, khuyến khích gắn bó với nghề.

5. “*Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn*” là các khoản chi trả để khuyến khích, động viên viên chức, người lao động khi trực tiếp tham gia luyện tập, dàn dựng và biểu diễn nghệ thuật.

Điều 4. Chức danh nghệ thuật và chuyên môn nghề nghiệp

1. Chức danh nghệ thuật, gồm: Đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật; biên đạo múa; huấn luyện múa; sáng tác, chỉ huy âm nhạc; biên kịch; diễn viên.

2. Chuyên môn nghề nghiệp

Chuyên môn nghề nghiệp là căn cứ xác định việc chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với viên chức, người lao động gồm:

a) Đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật; biên đạo múa; huấn luyện múa: người tổ chức, điều hành, chịu trách nhiệm về nội dung, hình thức thể hiện và chất lượng nghệ thuật của buổi diễn, chương trình nghệ thuật, vở diễn;

b) Trưởng, phó các đơn vị nghệ thuật và trưởng, phó các đoàn biểu diễn trực thuộc: người tham mưu, định hướng chuyên môn nghề nghiệp, quản lý, điều hành diễn viên;

c) Nhạc trưởng (chỉ huy âm nhạc): người điều phối dàn nhạc, diễn giải và truyền tải cảm xúc để dàn dựng tác phẩm, thực hiện chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, nhạc vũ kịch, hợp xướng, dàn nhạc truyền thống và các hình thức dàn nhạc khác;

d) Diễn viên: người thể hiện vai diễn trong các loại hình nghệ thuật biểu diễn như tuồng, chèo, cải lương, dân ca kịch, kịch nói, kịch hình thể, kịch câm; opera (kịch nhạc), musical (nhạc kịch); thể hiện kỹ năng, kỹ xảo đặc biệt trong nghệ thuật xiếc, điều khiển quân rối trong nghệ thuật múa rối nước, rối cạn; thể hiện cảm xúc, sức khỏe dẻo dai, bền bỉ thực hiện động tác múa (ballet, múa đương đại, múa dân gian, múa hát cung đình, múa tạp kỹ...); hát hợp xướng, dân ca, ca khúc mới; khả năng diễn đạt cảm xúc thông qua nhạc cụ giao hưởng, dân gian, truyền thống, nhạc cụ điện tử và các phương tiện âm thanh khác;

đ) Kỹ thuật viên sân khấu, hậu đài và nhân viên phục vụ công tác biểu diễn: người có chuyên môn kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, sân khấu; hậu đài, hóa trang, phục trang, đạo cụ, đồng thời, phải có sự sáng tạo, hiểu biết nhất định về lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

Điều 5. Phân loại vai trò các đối tượng trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật

1. Người đứng đầu đơn vị nghệ thuật có trách nhiệm quy định về việc phân loại vai trò đối với các đối tượng trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

2. Phân loại vai trò đối với đối tượng biểu diễn nghệ thuật là căn cứ xác định mức chi trả chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật, gồm:

a) Diễn viên chính, nhạc công độc tấu (solist), vũ công chính: giữ vai trò trung tâm, thể hiện vai diễn mang tính cách, điển hình nhân vật hoặc phân biểu diễn chủ đạo, quyết định nội dung, hình thức tác phẩm, chất lượng nghệ thuật;

b) Diễn viên chính thứ, vũ công chính thứ, người lĩnh xướng, nhạc công lĩnh tấu: đảm nhiệm vai trò quan trọng, hỗ trợ hoặc song hành cùng diễn viên chính, có đóng góp đáng kể vào nội dung, hình thức tác phẩm, chất lượng nghệ thuật;

c) Diễn viên phụ, vũ công phụ, hợp xướng viên, nhạc công dàn nhạc, vũ đoàn, diễn viên tập thể: đảm nhiệm vai diễn phụ, hỗ trợ góp phần hoàn chỉnh phong cách, giá trị nghệ thuật của tác phẩm;

d) Kỹ thuật viên sân khấu, hậu đài và nhân viên phục vụ: bố trí, sắp xếp không gian, cảnh trí sân khấu; thiết lập ánh sáng, âm thanh; hóa trang, chuẩn bị trang phục, đạo cụ; thực hiện lắp đặt, vận hành, vận chuyển và quản lý trang thiết bị, hệ thống kỹ thuật bảo đảm sân khấu hoạt động an toàn và hiệu quả trong quá trình tổ chức và hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

Chương II

CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ NGHIỆP, CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG LUYỆN TẬP VÀ BIỂU DIỄN

Điều 6. Nguyên tắc áp dụng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp

1. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp gồm các mức:

a) Mức 50%, áp dụng đối với: Đạo diễn sân khấu nghệ thuật truyền thống, chỉ đạo nghệ thuật sân khấu truyền thống, opera, musical; Chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc nhạc vũ kịch; Biên đạo múa, huấn luyện múa ballet; Sáng tác âm nhạc giao hưởng; Biên kịch sân khấu truyền thống; Diễn viên các loại hình nghệ thuật tuồng, chèo, cải lương, xiếc, múa rối nước; opera, ballet, musical; diễn viên biểu diễn nhạc cụ hơi thuộc bộ đồng, bộ gõ trong dàn nhạc giao hưởng;

b) Mức 40%, áp dụng đối với: Đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật các loại hình nghệ thuật đương đại; Chỉ huy dàn nhạc truyền thống, chỉ huy hợp xướng và các hình thức dàn nhạc khác; Biên đạo múa, huấn luyện múa; Sáng tác âm nhạc, biên kịch các loại hình nghệ thuật đương đại; Diễn viên kịch nói, kịch dân ca, kịch hình thể, kịch câm; hát hợp xướng, dân ca, ca khúc mới; múa rối cạn, múa đương đại, múa dân gian dân tộc, múa hát cung đình, múa tạp kỹ; biểu diễn nhạc cụ hơi thuộc loại hình nghệ thuật truyền thống, dân gian dân tộc; biểu diễn nhạc cụ thuộc bộ dây, bộ gõ, nhạc cụ bàn phím trong dàn nhạc giao hưởng;

c) Mức 30%, áp dụng đối với: diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử và các phương tiện âm thanh khác; Kỹ thuật viên sân khấu, hậu đài và nhân viên phục vụ.

2. Người lao động hợp đồng chuyên môn có thỏa thuận áp dụng mức lương theo bảng lương viên chức được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo chuyên ngành tại khoản 1 Điều này.

3. Người lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật, nếu làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hưởng chính sách phụ cấp ưu đãi nghề theo công việc chuyên môn thực hiện.

4. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp được tính theo công thức:

Phụ cấp ưu đãi theo nghề = Mức lương cơ sở $\times$ (Hệ số lương theo ngạch, bậc hiện hưởng + Hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có) + % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)) $\times$ Mức % phụ cấp ưu đãi nghề.

5. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp được trả cùng kỳ lương, không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

6. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp:

a) Đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

b) Đi công tác, học tập trong nước không trực tiếp làm các công việc được phân công thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn liên tục trên 03 tháng trở lên;

c) Nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

d) Nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (tính tròn tháng);

đ) Thời gian bị tạm giữ, tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc bị đình chỉ công tác (tính tròn tháng);

e) Nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

g) Không trực tiếp làm công tác biểu diễn nghệ thuật mà làm công việc khác liên tục từ 01 tháng trở lên.

Điều 7. Nguyên tắc áp dụng chế độ bồi dưỡng luyện tập, chế độ bồi dưỡng biểu diễn.

1. Áp dụng đối với viên chức, người lao động trực tiếp tham gia dàn dựng, luyện tập và biểu diễn nghệ thuật.

2. Chi trả theo số buổi thực tế, căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ do người đứng đầu đơn vị phê duyệt.

3. Mức bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn được xác định theo tính chất, quy mô, thể loại và yêu cầu nghệ thuật của chương trình, vở diễn; quy định bảo đảm tương xứng với công sức đóng góp và trách nhiệm của từng chức danh, vị trí việc làm.

4. Chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn được chi trả bằng tiền; không dùng để tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ bảo hiểm khác.

5. Bồi dưỡng luyện tập gồm các mức:

a) Mức 8% lương cơ sở/buổi đối với: diễn viên chính, vũ công chính, nhạc công độc tấu (solist); chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc nhạc vũ kịch, dàn nhạc truyền thống, hợp xướng và các hình thức dàn nhạc khác;

b) Mức 6% lương cơ sở/buổi đối với: diễn viên chính thứ, vũ công chính thứ, người lĩnh xướng, nhạc công lĩnh tấu; kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng, kỹ thuật viên chính sân khấu;

c) Mức 5% lương cơ sở/buổi đối với: diễn viên phụ, vũ công phụ, hợp xướng viên, nhạc công dàn nhạc, vũ đoàn, diễn viên tập thể; kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, kỹ thuật viên sân khấu;

d) Mức 3% lương cơ sở/buổi đối với: hậu đài và nhân viên phục vụ công tác biểu diễn;

đ) Nghệ sĩ Nhân dân được hưởng thêm 5% lương cơ sở/buổi; Nghệ sĩ ưu tú được hưởng thêm 2% lương cơ sở/buổi.

6. Bồi dưỡng biểu diễn gồm các mức sau:

a) Mức 20% lương cơ sở/buổi đối với người chỉ đạo nghệ thuật và đối tượng quy định tại mục a khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

b) Mức 16% lương cơ sở/buổi đối với trưởng, phó các đoàn biểu diễn và những đối tượng quy định tại mục b khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

c) Mức 12% lương cơ sở/buổi đối với đối tượng quy định mục c khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

d) Mức 7% lương cơ sở/buổi áp dụng đối với những đối tượng quy định tại mục d khoản 7 Điều 6 Nghị định này.

đ) Nghệ sĩ Nhân dân được hưởng thêm 10% lương cơ sở/buổi; Nghệ sĩ ưu tú được hưởng thêm 5% lương cơ sở/buổi;

7. Trường hợp người tham gia biểu diễn nghệ thuật thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm thì chỉ hưởng mức bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn cao nhất.

8. Số buổi biểu diễn được tính gồm: 02 buổi sơ duyệt, 01 buổi tổng duyệt và các buổi biểu diễn chính thức theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Nguồn kinh phí chi trả

1. Kinh phí thực hiện chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp:
 - a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp, trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của đơn vị;
 - b) Nguồn thu hợp pháp của đơn vị;
 - c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.
2. Kinh phí thực hiện chi trả chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn:
 - a) Dự toán kinh phí xây dựng chương trình, vở diễn, phổ biến tác phẩm hằng năm của đơn vị;
 - b) Nguồn thu từ hoạt động biểu diễn theo quy định của pháp luật;
 - c) Ngân sách nhà nước theo phân cấp trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.
3. Các đơn vị có nguồn thu sau khi hoàn thành nghĩa vụ ngân sách, nếu có khả năng tài chính, được xem xét chi trả thêm phụ cấp và bồi dưỡng khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.
4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong thanh quyết toán kinh phí.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các chế độ, quyền lợi, hợp đồng, hồ sơ, quyết toán đã giải quyết trước ngày Nghị định có hiệu lực tiếp tục được công nhận;
2. Các nội dung phát sinh nhưng chưa giải quyết trước ngày Nghị định có hiệu lực thực hiện theo Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg cho đến khi Nghị định này có hiệu lực.
3. Mọi chế độ, quyền lợi, hợp đồng, hồ sơ, quyết toán phát sinh từ ngày Nghị định có hiệu lực thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày .. tháng .. năm 2025

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bố trí kinh phí theo phân cấp để thực hiện Nghị định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn có trách nhiệm triển khai thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập và bồi dưỡng biểu diễn.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT, Sở DL;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, VP, NTBD, TĐg(300).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính